

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-PT

Ngày 14-4-2025

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu
di dời tài sản trên đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến

Ông Vi Đức Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2015, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thúy L. Cư trú tại: Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nông Thị T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Ông Triệu Văn H. Cư trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị L, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn X. Cư trú tại: Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.
 2. Bà Liễu Thị L. Cư trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.
 3. Ông Linh Văn T1. Cư trú tại: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
 4. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn
- Người đại diện hợp pháp:* Ông Hoàng Văn C, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 02-5-2024); vắng mặt.
- *Người kháng cáo:* Bà Hoàng Thúy L, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Hoàng Văn N là anh trai bà Hoàng Thị V.

Ông Hoàng Văn N (đã chết năm 2010) là chồng bà Nông Thị D. Họ có 05 người con, gồm: Bà Hoàng Thị T1, bà Hoàng Thị T2, bà Hoàng Thúy L, bà Hoàng Thị L, ông Hoàng Văn L. Bà Hoàng Thúy L có chồng là ông Trần Văn X.

Ông Triệu Văn V là chồng bà Hoàng Thị V. Họ có 09 người con, gồm: Bà Triệu Thị H1, bà Triệu Thị H2, ông Triệu Văn H, bà Triệu Thị D, ông Triệu Văn G, ông Triệu Văn L, bà Triệu Thị X, bà Triệu Thị T, bà Triệu Thị Thanh T. Ông Triệu Văn H có vợ là bà Liễu Thị L.

Ông Linh Văn P (đã chết) là chồng bà Triệu Thị L. Họ có 07 người con, gồm: Ông Linh Hùng S, ông Linh Văn T2, ông Linh Văn K, ông Linh Văn T1, bà Linh Thị K1, bà Linh Thị K2 (đã chết), bà Linh Thị T.

Theo Sổ lâm bạ và Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn năm 1997, lô số 125 có diện tích 30ha, loại rừng sản xuất, thể hiện họ và tên chủ hộ sử dụng là ông Linh Văn P (viết tắt là lô số 125).

Theo tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 tỷ lệ 1:10.000 xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn năm 2012, thửa đất số 736 có diện tích 508.869m² đất có rừng trồng phòng hộ RPT-Hồi (viết tắt là thửa đất số 736). Thửa đất trên chưa quy chủ, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 05 và 12-3-2024 xác định: Đất tranh chấp có diện tích 4.674,0m² thuộc một phần thửa đất số 736. Trên đất tranh chấp có 467 cây hồi, trong đó có 20 cây hồi nguyên đơn cho rằng nguyên đơn trồng năm 2010, bị đơn cho rằng toàn bộ 467 cây hồi do bị đơn trồng năm 2012 và trồng dặm vào các năm tiếp theo; 25 cây tạp khác và 16

cây sâu sâu do mọc tự nhiên. Đất tranh chấp có giá trị 7.000đồng/m², tài sản trên đất có tổng giá trị là 93.991.000đồng.

Theo Kết luận giám định tư pháp ngày 07-4-2024 của Giám định viên ông Đàm Văn T xác định: Toàn bộ diện tích đất tranh chấp 4.674,0m² thuộc một phần thửa đất số 736 và có nằm trong lô số 215.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cho biết: Quyết định 1833/QĐ-UBND ngày 08-10-2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt Dự án rà soát, quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Lạng Sơn quy hoạch rừng phòng hộ huyện V, tỉnh Lạng Sơn là 8.000 ha; Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 19-8-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tổng diện tích rừng phòng hộ của huyện V, tỉnh Lạng Sơn là 8.000 ha. Như vậy, huyện V, tỉnh Lạng Sơn không có diện tích đất rừng phòng hộ nào khác mà chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào quản lý. Trong giai đoạn quy hoạch đất rừng phòng hộ 2007 - 2020, người dân không được tự ý canh tác, chuyển nhượng, tặng cho đất đã quy hoạch cho rừng phòng hộ nêu trên.

Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Lô số 215 tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp 1997 diện tích 30ha, loại rừng sản xuất, theo sổ lâm bạ đứng tên chủ hộ Linh Văn P nhưng chưa cấp GCNQSD đất; theo sổ mục kê năm 2001 lô số 215 không ghi diện tích, không quy chủ cho ai. Thửa đất số 736 có diện tích 508.869,0m², loại đất “RPT-Hồi”, mục đích sử dụng đất theo sổ mục kê ký hiệu là “PRN” (Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên), chưa quy chủ, chưa được cấp GCNQSD đất cho ai. Theo Quyết định 1833/QĐ-UBND ngày 08-10-2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn thì diện tích đất tranh chấp là rừng phòng hộ. Ngày 19-8-2014 Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn có Quyết định số 1295/QĐ-UBND về việc giao rừng và đất rừng phòng hộ chưa giao, chưa cho thuê cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. Từ năm 2020 đến nay, diện tích đất tranh chấp được quy hoạch là rừng sản xuất theo các Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24-4-2020, Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 07-7-2021 và Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 15-02-2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Hạt Kiểm lâm huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Theo Quyết định 1833/QĐ-UBND ngày 08-10-2007 thì diện tích đất tranh chấp có hiện trạng đất trồng hồi, tuy nhiên trước năm 2007 việc rà soát, cập nhật trạng thái rừng trên bản đồ có thể có sự sai khác với thực tế ngoài thực địa nên Hạt Kiểm lâm huyện không xác định được diện tích đất tranh chấp trên có cây trồng của người dân hay không. Qua kiểm tra không có hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc giao đất, giao rừng đối với thửa đất đang tranh chấp nên không xác định được diện tích đất đang tranh chấp do cơ quan, tổ chức, cá nhân nào được giao quản lý, sử dụng. Trong giai đoạn được quy hoạch là đất rừng phòng hộ thì người dân vẫn được canh tác, được thu hoạch và hưởng lợi các sản phẩm trồng, canh tác trên đất rừng phòng hộ nhưng không được làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, ảnh hưởng đến khả năng phòng hộ của rừng.

Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Đối với các cây hồi có đường kính gốc đến 5cm khi chuyển đi nơi khác trồng vẫn có khả năng sống và phát triển bình thường với điều kiện là phải chuẩn bị tốt về điều kiện kỹ thuật khi đánh cây đi trồng, hạn chế tối đa không để tổn thương đến bộ rễ của cây. Đối với các cây hồi có đường kính gốc trên 5cm di chuyển đi trồng ở nơi khác trồng vẫn có khả năng sống nhưng tỉ lệ sống không cao.

Tại cấp sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Hoàng Thúy L xác định đất tranh chấp có diện tích khoảng 5.000,0m² thuộc thửa đất số 736. Đất tranh chấp có nguồn gốc thuộc một phần diện tích đất do bố mẹ của nguyên đơn khai phá. Từ năm 1980 đến năm 2009, bố mẹ nguyên đơn đã quản lý, trồng cây hồi nhưng đa số cây hồi đã chết. Ngày 26-02-2010, nguyên đơn được bố mẹ và các anh chị em ruột nhất trí chia cho một phần đất trong đó có diện tích đất đang tranh chấp. Việc chia đất có lập giấy tờ viết tay, có người làm chứng là ông Hoàng Văn K (đã chết) là em ruột bố nguyên đơn, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Trên toàn bộ khu đất được chia còn có khoảng 50 cây hồi do bố mẹ nguyên đơn trồng. Từ năm 2010, nguyên đơn trồng 500 cây hồi trên cả khu đất được phân chia, nguyên đơn có trồng cây hồi sát đến đường hào giáp rừng ông Triệu Văn V. Năm 2013, nguyên đơn trồng dặm thêm 50 cây hồi trên khu đất được phân chia nhưng do nhà ở xa rừng nên không chăm sóc được, cây hồi đã chết nhiều, hiện trên đất tranh chấp chỉ còn sống 20 cây hồi nguyên đơn trồng năm 2010. Năm 2016, nguyên đơn đi làm công nhân tại Bắc Ninh, sau đó chồng nguyên đơn cũng đi làm công nhân ở Bắc Ninh. Nguyên đơn nhờ mẹ và các em ở nhà trông coi rừng giúp. Năm 2020, ông La Văn H là người cùng làng báo cho mẹ nguyên đơn là thấy có người phát rừng K, mẹ nguyên đơn lên xem thì thấy rừng đã phát nhưng chưa trồng. Cùng năm 2020, nguyên đơn về lên rừng thì đã thấy bị đơn trồng khoảng 500 cây hồi con to bằng ngón tay, cao khoảng 20cm-30cm và đào cây hồi cao khoảng 2m từ nơi khác về trồng. Việc bị đơn trồng cây trên đất tranh chấp, mẹ và em của nguyên đơn là ông Hoàng Văn L có lên phản đối, yêu cầu Công an xã đến giải quyết nhưng không lập hồ sơ, nguyên đơn khi đó không gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân xã giải quyết tranh chấp đất đai.

Năm 2021, vợ chồng nguyên đơn lên rừng xem thì thấy bị đơn đã trồng cây gai, rào dây thép gai khoanh lấy khu đất tranh chấp nhưng nguyên đơn không có ý kiến gì vì là anh em trong nhà và cũng không có ý định lấy lại phần đất bị lấn chiếm. Năm 2023, bị đơn tiếp tục đào hào sang phần đất của nguyên đơn cách hàng rào gai khoảng 1-2m thì nguyên đơn mới phát sinh tranh chấp, nguyên đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã giải quyết, yêu cầu bị đơn lấp đường hào. Khi đó, Ủy ban nhân dân xã hướng dẫn giải quyết từng việc một, phần đất trong hàng rào gai thì viết đơn sau nên nay nguyên đơn mới yêu cầu giải quyết tranh chấp về đất.

Khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ nguyên đơn đã dẫn đặc xác định đất tranh chấp có diện tích 4.674,0m² thuộc một phần thửa đất số 736. Nguyên đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp, được sở hữu cây mọc tự

nhiên và 20 cây hồi do nguyên đơn trồng; yêu cầu bị đơn di dời 447 cây hồi ra khỏi đất tranh chấp. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 19.914.000 đồng chi phí tố tụng và đề nghị giải quyết chi phí này quy định của pháp luật. Nguyên đơn thuộc đối tượng và có đơn nên đề nghị được miễn án phí sơ thẩm.

Bị đơn ông Triệu Văn H trình bày: Đất tranh chấp có nguồn gốc do ông cha để lại cho bố mẹ bị đơn. Bố mẹ bị đơn có 04 mảnh rừng ở K, bố mẹ chia cho 03 con trai trong đó có bị đơn mỗi người 01 mảnh, còn 01 mảnh còn lại do bố mẹ bị đơn quản lý. Năm 2009, bị đơn được bố là ông Triệu Văn V chia miếng cho khu đất hiện đang có tranh chấp, khi đó trên đất chỉ có cây bụi, cây tạp. Từ năm 2009 đến trước năm 2012, bị đơn không trồng cây gì trên đất mà chỉ quản lý, phát rừng và lấy củi trên đất. Năm 2012 bị đơn phát quang và bắt đầu trồng cây hồi trên đất tranh chấp và trồng dặm cây hồi vào các năm tiếp theo. Bị đơn có làm hàng rào cây gai, dây thép gai làm ranh giới với đất của nguyên đơn như hiện nay (lúc thì bị đơn xác định thời điểm trồng cây gai và làm hàng rào dây thép gai vào năm 2012, lúc thì xác định vào năm 2016). Bị đơn quản lý sử dụng đất tranh chấp ổn định từ năm 2009 đến tháng 02-2023 mới xảy ra tranh chấp với nguyên đơn về đường hào. Sự việc tranh chấp đã được chính quyền địa phương hòa giải thành vào ngày 11-4-2023, hai bên thống ranh giới giữa hai nhà là hàng rào cây gai, dây thép gai và bị đơn phải lấp phần đường hào. Sau đó, bị đơn đã thực hiện lấp đường hào như thỏa thuận. Tuy nhiên, nguyên đơn lại tranh chấp đất ở phía trong hàng rào cây gai, dây thép gai mà bị đơn đang sử dụng. Do đó, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đề nghị giải quyết chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn thuộc đối tượng và có đơn nên đề nghị được miễn án phí sơ thẩm.

Ông Trần Văn X trình bày: Ông là chồng của nguyên đơn, ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không bổ sung gì thêm.

Bà Liễu Thị L trình bày: Bà là vợ của bị đơn, bà nhất trí với ý kiến của bị đơn và không bổ sung gì thêm.

Ông Linh Văn T1 trình bày: Ông là con ông Linh Văn P (đã chết). Thừa đất rừng K của gia đình ông có nguồn gốc do bố ông nhận chuyển nhượng với ông Phùng Văn Q từ năm 1980. Thừa đất có phía đông nam giáp đất ông Triệu Văn V, có hào làm ranh giới, phía tây giáp đất ông Hoàng Văn N, phía bắc giáp đất ông Mạc Văn Đ, phía đông giáp đất ông Lăng H. Thừa đất có đường mòn qua giữa, trên đường mòn lên đến đỉnh đông có trồng cây hồi nhưng bị trộm hết, chỉ còn cây hồi dưới đường mòn. Năm 1994 khi các anh trai của ông ra ở riêng, chỉ còn ông sống cùng bố nên ông được bố giao cho quản lý, canh tác khu rừng K. Năm 1997 ông Linh Văn P có kê khai và được cấp sổ bìa xanh đối với đất rừng K, nhưng khoảng 4 đến 5 năm sau chính quyền địa phương đã thu sổ bìa xanh để cấp sổ đỏ nhưng đến nay gia đình ông vẫn chưa được cấp sổ đỏ. Phần đất trên đường mòn hiện đang tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là do ông Linh Văn P cho ông Hoàng Văn N canh tác từ năm 2002-2003 nhưng gia đình ông Hoàng Văn N bỏ hoang không canh tác. Bên đất nhà ông Triệu Văn V đã trồng cây hồi từ lâu và có đường hào lên đến đỉnh đông làm ranh giới từ năm 1982. Cây hồi có trên đất

tranh chấp trồng năm nào ông không rõ; hàng rào cây gai, dây thép gai có trên đất khi nào ông cũng không rõ. Ông Linh Văn T1 không có yêu cầu gì đối với phần đất đang có tranh chấp và đề nghị giải quyết vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là UBND xã) trình bày: Trước khi phát sinh tranh chấp diện tích đất hiện nay, hai bên đương sự đã tranh chấp ranh giới là bờ rào gai do bị đơn đào đường hào cách bờ rào gai 1m sang phần đất nguyên đơn, UBND xã đã hoà giải thành ngày 11-4-2023 và hai bên đương sự thống nhất lấy ranh giới ngăn cách đất hai bên là hàng rào gai (từ điểm A-H trên Mảnh trích đo địa chính số 19-2024). UBND xã không yêu cầu quản lý đất tranh chấp mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về đất rừng phòng hộ, do quá trình thay đổi cán bộ quản lý, UBND xã không thấy Quyết định giao, quy hoạch rừng phòng hộ; hiện đất tranh chấp được quy hoạch là đất rừng sản xuất. UBND xã không tìm thấy biên bản nào liên quan đến việc chặt phá cây hồi năm 2020 giữa gia đình bà Nông Thị D và ông Triệu Văn H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp 4.674,0m² thuộc thửa đất số 736. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu sở hữu 20 cây hồi, cây tạp trên đất và yêu cầu bị đơn di dời toàn bộ 447 cây hồi ra khỏi đất tranh chấp. Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn bà Hoàng Thúy L kháng cáo Bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng nguyên đơn được quản lý, sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất tranh chấp 4.674,0m² thuộc thửa đất số 736, được sở hữu 20 cây hồi cùng các cây tạp mọc tự nhiên trên đất; bị đơn phải di dời toàn bộ 447 cây hồi ra khỏi đất tranh chấp; bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để thực hiện giám định 01 cây hồi trên đất tranh chấp. Cây hồi giám định nằm trong 20 cây hồi nguyên đơn xác định trồng năm 2010. Theo kết luận giám định trong lĩnh vực Lâm nghiệp số 119/CNR-VP ngày 06-3-2025 của Giám định viên ông Nguyễn Trọng N kết luận: Mẫu cây hồi có tuổi là 11 ± 1 năm tuổi, ± 1 năm tuổi là sai số ước tính; tương ứng với năm trồng cây hồi là năm 2014; trong đó sai số được tính có thể là năm 2013 hoặc năm 2015. Tổng chi phí thực hiện việc giám định hết 4.600.000 đồng, nguyên đơn đã nộp số tiền này.

Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn có Văn bản số 779/UBND-NNMT ngày 11-4-2025 về việc cung cấp bổ sung thông tin liên quan đến vụ án dân sự tại xã Y liên quan đến tài sản (cây trồng) hiện có trên đất xác định tài sản trên đất bao gồm lâm sản và các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và

phát triển rừng (được phép tồn tại).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Hoàng Thúy L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn đề nghị giải quyết chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thuộc đối tượng nên đề nghị được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Trần Văn X nhất trí theo ý kiến của nguyên đơn.

Bị đơn ông Triệu Văn H không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đối với tạm ứng chi phí giám định tuổi cây hồi nguyên đơn đã bỏ ra, đề nghị giải quyết chi phí này theo quy định của pháp luật.

Bà Liễu Thị L nhất trí theo ý kiến của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nông Thị T trình bày: Căn cứ vào nguồn gốc đất, vào quá trình sử dụng đất, vào ranh giới đã xác lập nhiều năm trên đất và các tài liệu chứng cứ khác thấy rằng kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lê Thị L trình bày: Căn cứ vào nguồn gốc đất, vào quá trình sử dụng đất, vào tài sản trên đất, vào Kết luận giám định tuổi cây hồi và các tài liệu chứng cứ khác thấy rằng kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Căn cứ lời khai của các đương sự; căn cứ vào nguồn gốc đất, vào quá trình sử dụng đất, vào Biên bản hòa giải ngày 11-4-2023 và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, kết luận giám định tuổi cây hồi trên đất tranh chấp càng xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 23-7-2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng

Sơn. Nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng (giám định cây hồi) tại cấp phúc thẩm. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ nhất đã được triệu tập hợp lệ, có đương sự vắng mặt nhưng người đại diện theo uỷ quyền và đương sự vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thúy L, thấy rằng:

[3] Đất tranh chấp qua xem xét, thẩm định tại chỗ xác định có diện tích 4.674,0m², trên đất có 467 cây hồi, 25 cây tạp và 16 cây sâu sấu.

[4] Nguyên đơn cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc do bố mẹ nguyên đơn khai phá từ năm 1980, đến ngày 26-02-2010 thì làm giấy viết tay chia cho nguyên đơn phần diện tích đất trên. Bị đơn cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc ông cha để lại cho bố mẹ bị đơn từ năm 1981, đến năm 2009 thì bố mẹ bị đơn chia miệng cho bị đơn phần diện tích đất trên. Ngoài lời trình bày trên thì nguyên đơn có xuất trình 01 giấy viết tay đề ngày 26-02-2010, có người làm chứng là ông Hoàng Văn K (đã chết), không có xác nhận của chính quyền địa phương. Tại thời điểm nguyên đơn, bị đơn được bố mẹ chia đất cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Trên phần đất đang có tranh chấp chỉ có cây mọc tự nhiên, không có cây trồng nào còn sống của bố mẹ nguyên đơn, bị đơn trồng trước đó.

[5] Qua kết quả đo đạc, chồng ghép bản đồ và Kết luận giám định tư pháp ngày 07-4-2024 của Giám định viên ông Đàm Văn T xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp 4.674,0m² thuộc thửa đất số 736 và trùng với lô số 215. Theo Sổ lâm bạ và Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn năm 1997, lô số 125 có diện tích 30ha, loại rừng sản xuất, thể hiện họ và tên chủ hộ là ông Linh Văn P. Tại thời điểm lập Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp của xã năm 2012, thửa đất số 736 có tổng diện tích 508.869m² đất RPT-Hồi, chưa được quy chủ cho ai, chưa được cấp GCNQSDĐ cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào. Hiện ông Linh Văn P (đã chết), các con của ông Linh Văn P đều thừa nhận phần đất này trước đây được ông Linh Văn P chia cho ông Linh Văn T1, họ không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì đến phần đất này. Ông Linh Văn T1 khẳng định đã được bố mẹ chia cho thửa đất rừng tại địa danh K nhưng ông Linh Văn T1 chỉ quản lý, sử dụng từ đường mòn trở xuống, không quản lý phần đất phía trên đường mòn đang tranh chấp hiện nay giữa nguyên đơn và bị đơn, gia đình ông Linh Văn T1 chưa được cấp GCQNSD đất đối với khu đất rừng K. Ông Linh Văn T1 cũng không có yêu cầu, đề nghị gì đối với phần đất đang có tranh chấp.

[6] Căn cứ Quyết định 1833/QĐ-UBND ngày 08-10-2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt Dự án rà soát, quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Lạng Sơn quy hoạch rừng phòng hộ huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 19-8-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc giao rừng và đất rừng phòng hộ chưa giao, chưa cho thuê cho Ủy ban nhân dân

cấp xã quản lý. Căn cứ văn bản trả lời của Sở Nông nghiệp và Môi trường Lạng Sơn, Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn xác định: Tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn không có diện tích đất rừng phòng hộ nào khác mà chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào quản lý, trường hợp chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào quản lý đất rừng phòng hộ nêu trên thì trách nhiệm quản lý vẫn thuộc về UBND xã đối với diện tích chưa giao, chưa cho thuê. Trong giai đoạn 2007-2020, toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc quy hoạch đất rừng phòng hộ, người dân không được tự ý canh tác, chuyển nhượng, tặng cho đất đã quy hoạch cho rừng phòng hộ và đất rừng phòng hộ được giao cho UBND xã quản lý. Từ năm 2020 đến nay, diện tích đất tranh chấp mới được cơ quan có thẩm quyền quy hoạch là rừng sản xuất theo các Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24-4-2020, Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 07-7-2021 và Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 15-02-2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

[7] Xét thấy, tính đến thời điểm nguyên đơn, bị đơn bố mẹ chia cho phần đất trên thì các bên không có giấy tờ pháp lý chứng minh về nguồn gốc đất như nguyên đơn, bị đơn trình bày; bố mẹ nguyên đơn, bị đơn cũng chưa từng kê khai, chưa được Nhà nước giao quyền quản lý rừng và đất trồng rừng, chưa được cấp GCNQSDĐ. Bố mẹ của nguyên đơn, bị đơn không được giao khoán đất rừng phòng hộ nên không có quyền của người sử dụng đất, không có quyền tặng cho đất rừng phòng hộ cho người khác. Vì vậy, Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26-02-2010 do nguyên đơn xuất trình không phải là căn cứ pháp lý để được chấp nhận.

[8] Nguyên đơn cho rằng bố mẹ nguyên đơn đã quản lý, canh tác liên tục đất tranh chấp từ năm 1980 đến trước năm 2010, hàng năm đều trồng hồi nhưng đa số cây hồi chết và bị mất trộm. Khi bố mẹ chia đất cho nguyên đơn thì trên đất nguyên đơn được chia còn khoảng 50 cây hồi do bố mẹ nguyên đơn trồng năm 1980 nhưng cách khu đất tranh chấp khoảng 20m-30m. Năm 2010 nguyên đơn trồng 500 cây hồi trên toàn bộ phần đất được phân chia và năm 2013 trồng dặm thêm 50 cây hồi trên đất được phân chia nhưng do nhà ở xa không chăm sóc được nên cây chết, cây bị nhỏ. Tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm nguyên đơn khẳng định hiện trên phần đất tranh chấp chỉ còn lại 20 cây hồi nguyên đơn đã trồng năm 2010, tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ở cấp sơ thẩm nguyên đơn xác định cụ thể vị trí của 20 cây hồi đã trồng năm 2010 trên đất tranh chấp.

[9] Bị đơn thì cho rằng trước năm 2009, phần đất tranh chấp bố mẹ bị đơn chỉ làm nương, quản lý cây tự nhiên trên đất. Năm 2009 bị đơn được phân chia khu đất tranh chấp nhưng cũng không thực hiện trồng cây trên đất mà chỉ chăm sóc cây mọc tự nhiên trên đất để lấy củi. Tại cấp sơ thẩm, phía gia đình bị đơn khai không thống nhất về năm trồng của 467 cây hồi trên đất. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn khẳng định năm 2012 bị đơn mới thực hiện phát rừng, trồng hồi trên đất, trồng dặm vào các năm tiếp theo nên toàn bộ 467 cây hồi được gia đình nguyên đơn trồng từ năm 2012 và trồng dặm vào các năm tiếp theo.

[10] Ngày 17-02-2025, cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục lấy mẫu giám định 01 cây hồi trên đất tranh chấp. Cây hồi thực hiện giám định nằm trong 20 cây hồi nguyên đơn xác định trồng năm 2010; bị đơn xác định trồng năm

2012. Theo kết luận giám định trong lĩnh vực Lâm nghiệp số 119/CNR-VP ngày 06-3-2025 của Giám định viên ông Nguyễn Trọng N kết luận: Mẫu cây hồi có tuổi là 11 ± 1 năm tuổi, ± 1 năm tuổi là sai số ước tính; tương ứng với năm trồng cây hồi là năm 2014; trong đó sai số được tính có thể là năm 2013 hoặc năm 2015. Như vậy, cây hồi thực hiện giám định không phù hợp với năm trồng như ý kiến của nguyên đơn đã đưa ra.

[11] Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thấy rằng: Diện tích đất tranh chấp có một phía tiếp giáp phần đất rừng của nguyên đơn, một phía tiếp giáp với phần đất rừng của bị đơn và bố của bị đơn đang quản lý sử dụng. Phần đất của bị đơn hiện không có tranh chấp giáp liền kề có các cây hồi lâu năm do gia đình bị đơn trồng từ năm 1984 và trồng trước năm 1997. Phần đất của nguyên đơn hiện không có tranh chấp giáp liền kề không có cây hồi, trong rừng có 02 cây hồi con đường kính từ 2-5cm nhưng cách xa đất tranh chấp và gần với rừng hồi già của bố nguyên đơn. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Trong quá trình quản lý, sử dụng đất của bố mẹ nguyên đơn, bị đơn và sau này là nguyên đơn, bị đơn trước năm 2019 không hề có tranh chấp, năm 2020 mới phát sinh tranh chấp với nhau xuất phát từ việc bị đơn trồng cây hồi trên đất, em nguyên đơn là ông Hoàng Văn L có lên phản đối, nhổ bỏ cây. Bị đơn đã trình báo sự việc này với chính quyền địa phương và chính quyền địa phương đã đến giải quyết nhưng không lập hồ sơ, gia đình nguyên đơn cũng không gửi đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai hoặc khởi kiện ra Tòa. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu nhưng chính quyền địa phương hiện không tìm thấy tài liệu về vấn đề này.

[12] Nguyên đơn cho rằng ranh giới từ trước đến nay phần đất của hai gia đình là đường hào sát rừng hồi của ông Triệu Văn V (từ điểm D - G thể hiện trên Mảnh trích đo địa chính số 19-2024), đường hào đã có từ trước, hiện nay đều có các cây hồi to của nhà bị đơn sát đường hào. Còn bị đơn cho rằng từ năm 1980 - 1981, bố của bị đơn đã đào 02 đường hào song song, một đường hào từ mép đường mòn lên đến đỉnh đồi (từ điểm D - G thể hiện trên Mảnh trích đo địa chính số 19-2024) để ngăn trâu bò đi lại, một đường hào làm ranh giới bắt đầu từ đường đất đến tảng đá to (điểm M thể hiện trên Mảnh trích đo địa chính số 19-2024) và sau này bị đơn đã trồng cây gai, căng dây thép gai (từ điểm A - H thể hiện trên Mảnh trích đo địa chính số 19-2024). Xét thấy, tại cấp sơ thẩm phía bị đơn xác định thời điểm trồng cây gai và làm hàng rào dây thép gai (từ điểm A - H thể hiện trên Mảnh trích đo địa chính số 19-2024) có sự mâu thuẫn, không phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Hoàng Văn T, Nông Văn C, Linh Văn L. Tuy nhiên, trước khi khởi kiện vụ án này ra Tòa án cấp sơ thẩm vào năm 2023 giữa nguyên đơn và bị đơn đã tranh chấp do bị đơn đào đường hào cách bờ rào dây thép gai 01 mét về phía phần đất nhà nguyên đơn. Ngày 11-4-2023, chính quyền địa phương đã tổ chức hòa giải giữa hai bên, kết quả hoà giải thành, hai bên đã thống nhất lấy ranh giới ngăn cách phần đất giữa hai nhà là hàng rào gai (từ điểm A - H thể hiện trên Mảnh trích đo địa chính số 19-2024) các bên phải trồng cây cách hàng rào gai 01 mét, bị đơn phải lấp lại hào cho bên nguyên đơn. Sau đó, bị đơn đã thực hiện san lấp đường hào đúng như biên bản hòa giải thành. Như vậy,

từ ngày 11-4-2023 nguyên đơn đã tự thừa nhận ranh giới sử dụng đất giữa hai nhà là hàng rào cây gai, dây thép gai do bị đơn rào (từ điểm A - H thể hiện trên Mảnh trích đo địa chính số 19-2024).

[13] Từ những phân tích trên thấy rằng, nguyên đơn không chứng minh được nguồn gốc đất; không có giấy tờ pháp lý liên quan đến đất; không chứng minh được quá trình quản lý, canh tác trên đất; tự thừa nhận ranh giới sử dụng đất là hàng rào cây gai, dây thép gai do bị đơn rào, phần đất tranh chấp nằm trong hàng rào dây thép gai nằm về phía phần đất bị đơn đang quản lý sử dụng; tài sản trên đất cũng không do nguyên đơn tạo lập nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Trong vụ án này, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên cấp sơ thẩm không quyết định đối với ý kiến của bị đơn về quyền quản lý, sử dụng đất là hoàn toàn có căn cứ.

[14] Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm là đúng quy định.

[15] Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn thuộc diện được miễn án phí và có đơn nên cấp sơ thẩm đã miễn án phí cho nguyên đơn là đúng pháp luật.

[16] Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không xuất trình được thêm tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[17] Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn có yêu cầu giám định cây hồi trên đất tranh chấp và đã nộp tạm ứng tổng chi phí 4.600.000đồng. Do kết quả giám định xác định ý kiến của nguyên đơn không có căn cứ nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí này.

[18] Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin miễn nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn.

[19] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thúy L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn bà Hoàng Thúy L phải chịu chi phí

giám định với tổng số tiền 4.600.000đồng. Xác nhận nguyên đơn bà Hoàng Thúy L đã nộp đủ số tiền 4.600.000đồng (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Hoàng Thúy L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. V, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người TGTG khác;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa